

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**QUÝ I CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 31 tháng 3 năm 2015</b>	<b>2 - 5</b>
<b>3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>6 - 7</b>
<b>4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>8 - 9</b>
<b>5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>10 - 28</b>

\*\*\*\*\*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I năm 2015

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>126.383.908.140</b>	<b>139.860.037.900</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.I</b>	<b>34.071.127.045</b>	<b>45.478.886.007</b>
1. Tiền	111		9.919.972.445	27.178.901.407
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.151.154.600	18.299.984.600
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>85.638.625.700</b>	<b>87.250.721.631</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	72.550.648.185	57.910.868.105
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	11.406.829.329	28.172.423.399
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.735.478.186	1.221.760.127
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(54.330.000)	(54.330.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.674.155.395</b>	<b>7.130.430.262</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	499.706.009	389.959.441
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.906.540.116	5.616.344.109
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7	267.909.270	1.124.126.712
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>722.518.090.145</b>	<b>646.688.978.258</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>390.000.000</b>	<b>390.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.8	390.000.000	390.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>348.709.582.652</b>	<b>354.220.205.824</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	348.622.823.773	354.122.368.611
<i>Nguyên giá</i>	222		452.133.882.976	451.000.539.523
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(103.511.059.203)	(96.878.170.912)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	86.758.879	97.837.213
<i>Nguyên giá</i>	228		284.504.400	284.504.400
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(197.745.521)	(186.667.187)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>186.629.543.827</b>	<b>105.014.403.667</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	186.629.543.827	105.014.403.667
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>32.176.825.600</b>	<b>32.176.825.600</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	20.400.000.000	20.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	7.200.000.000	7.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	5.238.210.000	5.238.210.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.15	(661.384.400)	(661.384.400)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>154.612.138.066</b>	<b>154.887.543.167</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	154.612.138.066	154.887.543.167
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>848.901.998.285</b>	<b>786.549.016.158</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>590.893.883.503</b>	<b>540.015.463.558</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>101.487.253.001</b>	<b>147.704.424.647</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	24.068.122.784	57.929.353.312
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	2.373.962.219	316.752.299
4. Phải trả người lao động	314		8.805.635.214	12.091.256.596
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	11.053.667.044	4.202.345.437
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	40.500.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	9.425.183.391	7.756.559.410
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	43.214.000.000	61.214.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23	1.012.866.810	1.012.866.810
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	1.493.315.539	3.181.290.783
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>489.406.630.502</b>	<b>392.311.038.911</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.25	129.367.494.458	92.502.866.098
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.26	121.480.281.390	121.480.281.390
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.27	238.558.854.654	178.327.891.423
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>258.008.114.782</b>	<b>246.533.552.600</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.28</b>	<b>258.008.114.782</b>	<b>246.533.552.600</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.000.000.000	187.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.000.000.000	187.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.953.580.064	7.953.580.064
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63.054.534.718	51.579.972.536
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		51.579.972.536	2.411.604.486
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.474.562.182	49.168.368.050
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>848.901.998.285</b>	<b>786.549.016.158</b>

Lập, ngày 20 tháng 4 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Quỳnh Quang

Nguyễn Đức Khiêm

Phạm Văn Long

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	58.505.969.493	52.204.891.092	58.505.969.493	52.204.891.092
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		58.505.969.493	52.204.891.092	58.505.969.493	52.204.891.092
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	33.558.111.132	30.769.780.999	33.558.111.132	30.769.780.999
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.947.858.361	21.435.110.093	24.947.858.361	21.435.110.093
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	330.375.083	256.768.360	330.375.083	256.768.360
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.498.597.661	3.822.999.306	5.498.597.661	3.822.999.306
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.094.994.539	3.806.728.100	5.094.994.539	3.806.728.100
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	193.789.000	315.566.910	193.789.000	315.566.910
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.843.746.797	4.038.159.221	4.843.746.797	4.038.159.221
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.742.099.986	13.515.153.016	14.742.099.986	13.515.153.016
11. Thu nhập khác	31	VI.7	345		345	
12. Chi phí khác	32	VI.8	24.276.098	27.174.000	24.276.098	27.174.000
13. Lợi nhuận khác	40		(24.275.753)	(27.174.000)	(24.275.753)	(27.174.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.717.824.233	13.487.979.016	14.717.824.233	13.487.979.016

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.243.262.051	2.973.333.663	3.243.262.051	2.973.333.663
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	<u>11.474.562.182</u>	<u>10.514.645.353</u>	<u>11.474.562.182</u>	<u>10.514.645.353</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 4 năm 2015

Giám đốc

Lê Quỳnh Quang

Nguyễn Đức Khiêm

Phạm Văn Long



**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>14.717.824.233</b>	<b>13.487.979.016</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		6.599.112.602	5.392.792.265
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(108.771.641)	(243.565.146)
- Chi phí lãi vay	06		5.094.994.539	3.806.728.100
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>26.303.159.733</b>	<b>22.443.934.235</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.317.890.117)	(9.875.792.615)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.059.757.508	3.240.954.963
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		165.658.533	1.204.026.176
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.062.582.140)	(4.109.340.575)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.772.843.734)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.643.121.221)	(607.250.145)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>22.504.982.296</b>	<b>10.523.688.305</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(76.287.011.113)	(24.945.122.101)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		143.306.624	367.695.200
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(76.143.704.489)</b>	<b>(24.577.426.901)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		60.230.963.231	10.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(18.000.000.000)	(16.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>42.230.963.231</b>	<b>(6.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(11.407.758.962)</b>	<b>(20.053.738.596)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>45.478.886.007</b>	<b>66.002.978.827</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối quý</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>34.071.127.045</b>	<b>45.949.240.231</b>

Lập, ngày 20 tháng 4 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Quỳnh Quang

Nguyễn Đức Khiêm

Phạm Văn Long

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Quý I năm 2015**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Xếp dỡ hàng hóa, container; đại lý giao nhận hàng hóa; vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy; dịch vụ phân loại, lưu trữ và đóng gói hàng hóa, đóng gói hàng container; kinh doanh kho bãi./.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### **4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 – 20
Máy móc và thiết bị	3 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### **5. Tài sản thuê hoạt động**

#### ***Công ty là bên cho thuê***

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

#### ***Công ty là bên đi thuê***

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### **6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

#### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

### **7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

### **8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### **9. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **10. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

#### ***Chi phí sửa chữa***

Chi phí sửa chữa thể hiện chi phí bù lún, san lấp ban đầu cho phần đất Công ty đang sử dụng. Chi phí sửa chữa được phân bổ theo thời hạn còn lại tính từ thời điểm hoàn thành công tác bù lún, san lấp đến thời điểm hết thời hạn thuê theo quy định trên hợp đồng thuê đất.

### **11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **12. Nguồn vốn kinh doanh**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

### **13. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **14. Trích lập các quỹ**

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## **16. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## **18. Tài sản tài chính**

### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

### ***Các khoản phải thu***

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### ***Tài sản tài chính sẵn sàng để bán***

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## **20. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	159.573.493	68.906.099
Tiền gửi ngân hàng	9.760.398.952	27.109.995.308
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	24.151.154.600	18.299.984.600
<b>Cộng</b>	<b><u>34.071.127.045</u></b>	<b><u>45.478.886.007</u></b>

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Các khách hàng là bên liên quan</i>	<b><u>2.088.440.430</u></b>	<b><u>3.297.697.030</u></b>
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	920.203.130	478.632.000
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.091.778.887	2.647.647.504
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	4.005.496	18.502.995
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	12.526.872	8.989.531
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung		87.470.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	660.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	53.332.764	51.852.718
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Long Bình	5.933.281	4.602.282
<i>Các khách hàng không là bên liên quan</i>	<b><u>70.462.207.755</u></b>	<b><u>54.613.171.075</u></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>72.550.648.185</u></b>	<b><u>57.910.868.105</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Về hoạt động xây lắp	11.086.274.429	21.374.024.617
Về hoạt động mua sắm tài sản cố định		6.461.472.500
Về các dịch vụ được cung cấp	320.554.900	336.926.282
<b>Cộng</b>	<b>11.406.829.329</b>	<b>28.172.423.399</b>

### 4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.591.342.576	917.957.560
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.850.000	3.850.000
Dự thu lãi tiền gửi có năm hạn dưới 3 tháng		34.534.983
Cổ tức phải thu		244.563.200
Các khoản chi hộ khách hàng	20.854.286	20.854.384
Các khoản phải thu khác	119.431.324	
<b>Cộng</b>	<b>1.735.478.186</b>	<b>1.221.760.127</b>

### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	54.330.000	54.330.000

### 6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	241.845.337	381.768.252
Chi phí sửa chữa	257.860.672	8.191.189
<b>Cộng</b>	<b>499.706.009</b>	<b>389.959.441</b>

### 7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		1.124.126.712
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	267.909.270	
<b>Cộng</b>	<b>267.909.270</b>	<b>1.124.126.712</b>

### 8. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn cho Công ty Cổ phần Tiếp vận Long Bình	390.000.000	390.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

#### 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	407.384.051.427	456.350.400	39.871.949.019	2.049.114.477	1.239.074.200	451.000.539.523
Mua sắm mới		79.096.000				79.096.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.054.247.453					1.054.247.453
<b>Số cuối quý</b>	<b>408.438.298.880</b>	<b>535.446.400</b>	<b>39.871.949.019</b>	<b>2.049.114.477</b>	<b>1.239.074.200</b>	<b>452.133.882.976</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	263.250.000	74.417.650		1.652.503.477	1.199.124.200	3.189.295.327
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	64.901.916.444	175.442.400	28.714.972.727	1.853.423.481	1.232.415.860	96.878.170.912
Khấu hao tài sản cố định kinh doanh	5.082.414.377	37.415.085	1.431.824.724	33.050.916	3.329.166	6.588.034.268
Khấu hao tài sản cố định phúc lợi	44.854.023					44.854.023
<b>Số cuối quý</b>	<b>70.029.184.844</b>	<b>212.857.485</b>	<b>30.146.797.451</b>	<b>1.886.474.397</b>	<b>1.235.745.026</b>	<b>103.511.059.203</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	342.482.134.983	280.908.000	11.156.976.292	195.690.996	6.658.340	354.122.368.611
<b>Số cuối quý</b>	<b>338.409.114.036</b>	<b>322.588.915</b>	<b>9.725.151.568</b>	<b>162.640.080</b>	<b>3.329.174</b>	<b>348.622.823.773</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 408.601.304.771 VND và 328.478.826.254 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm quản lý

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	284.504.400	186.667.187	97.837.213
Khấu hao trong quý		11.078.334	(11.078.334)
<b>Số cuối quý</b>	<b>284.504.400</b>	<b>197.745.521</b>	<b>86.758.879</b>

Tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 151.564.400 VND.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong quý	Kết chuyển vào TSCĐ trong quý	Số cuối quý
Mua sắm TSCĐ	524.759.000	53.217.110.052	79.096.000	53.662.773.052
XDCB dở dang	104.489.644.667	29.531.373.561	1.054.247.453	132.966.770.775
<i>Kho hàng quản chấp và sân bãi bãi quanh kho hàng quản chấp<sup>(i)</sup></i>	<i>69.696.579.051</i>			<i>69.696.579.051</i>
<i>Kho hàng số 13 và bãi quanh kho số 13</i>	<i>34.793.065.616</i>	<i>22.503.186.270</i>		<i>57.296.251.886</i>
<i>Kho hàng số 14 và bãi quanh kho số 14</i>		<i>5.973.939.838</i>		<i>5.973.939.838</i>
<i>Các công trình khác</i>		<i>1.054.247.453</i>	<i>1.054.247.453</i>	
<b>Cộng</b>	<b>105.014.403.667</b>	<b>82.748.483.613</b>	<b>1.133.343.453</b>	<b>186.629.543.827</b>

<sup>(i)</sup> Công trình Kho hàng quản chấp và sân bãi quanh kho hàng quản chấp được thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

### 12. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	2.040.000	20.400.000.000	2.040.000	20.400.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602427771 ngày 24 tháng 12 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long 20.400.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

### 13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình	720.000	7.200.000.000	720.000	7.200.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3603131791 ngày 04 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư 7.200.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty góp đủ số vốn đã cam kết, tương đương 36% vốn điều lệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****14. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b><i>Đầu tư cổ phiếu</i></b>				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	349.376	5.238.210.000	349.376	5.238.210.000

**15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	661.384.400	661.384.400

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong quý	Phân bổ vào	Số cuối quý
			chi phí trong quý	
Chi phí công cụ, dụng cụ	384.981.671		73.799.000	311.182.671
Chi phí thuê đất	143.261.805.488		965.983.590	142.295.821.898
Chi phí sửa chữa	11.240.756.008	1.057.832.176	293.454.687	12.005.133.497
<b>Cộng</b>	<b>154.887.543.167</b>	<b>1.057.832.176</b>	<b>1.333.237.277</b>	<b>154.612.138.066</b>

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b><i>Các nhà cung cấp là bên liên quan</i></b>	<b>9.936.718.172</b>	<b>46.011.725.734</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	274.970.865	489.278.041
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	9.490.897.151	42.868.718.619
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng	39.820.000	152.357.550
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	55.246.329	187.636.397
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	61.869.427	59.394.427
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Long Bình		2.254.340.700
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	13.914.400	
<b><i>Các nhà cung cấp không là bên liên quan</i></b>	<b>14.131.404.612</b>	<b>11.917.627.578</b>
<b>Cộng</b>	<b>24.068.122.784</b>	<b>57.929.353.312</b>

**18. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Tăng giảm số phải nộp khác	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.124.126.712)	3.243.262.051	254.826.880		2.373.962.219
Thuế thu nhập cá nhân	316.752.299	(46.412.870)	(254.826.880)	283.421.819	(267.909.270)
Các loại thuế khác		3.000.000		3.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>(807.374.413)</b>	<b>3.199.849.181</b>		<b>286.421.819</b>	<b>2.106.052.949</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.7).

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.373.962.219	316.752.299
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(267.909.270)	(1.124.126.712)
<b>Cộng</b>	<b><u>2.106.052.949</u></b>	<b><u>(807.374.413)</u></b>

### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% đối với dịch vụ cung cấp nước sạch và 10% đối với các hoạt động còn lại.

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.717.824.233	13.487.979.016
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	24.275.998	27.173.995
<i>Các chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	24.275.998	27.173.995
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	14.742.100.231	13.515.153.011
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>3.243.262.051</u></b>	<b><u>2.973.333.663</u></b>

### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định

## **19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	421.015.070	388.602.671
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	7.385.146.472	1.074.220.834
Chi phí dịch vụ khác	1.375.667.984	867.684.414
Chi phí thuê kho	1.871.837.518	1.871.837.518
<b>Cộng</b>	<b><u>11.053.667.044</u></b>	<b><u>4.202.345.437</u></b>

## **20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm Thông tin di động khu vực VI – doanh thu cho thuê mặt bằng	40.500.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.500.000	1.500.000
Kinh phí công đoàn	194.751.100	90.946.429
Bảo hiểm xã hội	448.019.174	218.909.189
Bảo hiểm y tế	80.957.276	52.706.433
Bảo hiểm thất nghiệp	12.308.910	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	263.789.206	263.789.206
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.043.006.136	2.030.561.976
Phải trả tiền thuê đất Công ty mẹ	5.776.477.500	4.625.151.000
Lãi vay phải trả bà Phạm Thị Kim Anh		39.583.334
Các khoản phải trả, phải nộp khác	604.374.089	433.411.843
<b>Cộng</b>	<b>9.425.183.391</b>	<b>7.756.559.410</b>

**22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
- Bà Phạm Thị Kim Anh <sup>(i)</sup>	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)</b>	<b>33.214.000.000</b>	<b>51.214.000.000</b>
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú	27.414.000.000	45.414.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	5.800.000.000	5.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>43.214.000.000</b>	<b>61.214.000.000</b>

<sup>(i)</sup> Là khoản vay Bà Phạm Thị Kim Anh với lãi suất 5%/năm để xây dựng kho hàng, khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn**

	<b>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm	10.000.000.000	51.214.000.000	61.214.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm			
Số tiền vay đã trả trong năm		(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>33.214.000.000</b>	<b>43.214.000.000</b>

**23. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí sửa chữa định kỳ tài sản cố định	1.012.866.810	1.012.866.810

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

### 24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.390.576.823		1.103.120.000		1.287.456.823
Quỹ phúc lợi	790.713.960		540.001.221	179.416.092	71.296.647
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ		179.416.092		44.854.023	134.562.069
<b>Cộng</b>	<b>3.181.290.783</b>	<b>179.416.092</b>	<b>1.643.121.221</b>	<b>224.270.115</b>	<b>1.493.315.539</b>

### 25. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH Tiến Nga	18.296.392.634	19.814.471.252
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	41.438.309.304	41.672.326.203
Công ty cổ phần Tiếp vận Long Bình	69.632.792.520	31.016.068.643
<b>Cộng</b>	<b>129.367.494.458</b>	<b>92.502.866.098</b>

### 26. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	65.351.281.390	65.351.281.390
Phải trả dài hạn khác	56.129.000.000	56.129.000.000
<i>Phải trả tiền hợp tác kinh doanh dài hạn tại kho hàng số 13 (Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình)</i>	<i>52.129.000.000</i>	<i>52.129.000.000</i>
<i>Phải trả tiền hợp tác kinh doanh dài hạn tại kho hàng số 7 (Công ty TNHH Pacorini Việt Nam)</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>121.480.281.390</b>	<b>121.480.281.390</b>

### 27. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>238.558.854.654</b>	<b>178.327.891.423</b>
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội <sup>(i)</sup>	182.363.946.113	126.075.783.175
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa <sup>(ii)</sup>	56.194.908.541	52.252.108.248
<b>Cộng</b>	<b>238.558.854.654</b>	<b>178.327.891.423</b>

(i) Là khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Anh Phú để tài trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay có liên quan. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa để đầu tư xây dựng nhà kho. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	
		Số cuối năm	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	178.327.891.423	60.230.963.231	238.558.854.654
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	126.075.783.175	56.288.162.938	182.363.946.113
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	52.252.108.248	3.942.800.293	56.194.908.541
<b>Cộng</b>	<b>178.327.891.423</b>	<b>60.230.963.231</b>	<b>238.558.854.654</b>

### 28. Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	187.000.000.000	7.953.580.064	51.579.972.536	246.533.552.600
Lợi nhuận trong quý			11.474.562.182	11.474.562.182
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>187.000.000.000</b>	<b>7.953.580.064</b>	<b>63.054.534.718</b>	<b>258.008.114.782</b>

### Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	18.700.000	18.700.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành công chúng	18.700.000	18.700.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	18.700.000	18.700.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ cho thuê kho và các dịch vụ đi kèm	56.540.028.601	50.396.574.075
Dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng	1.965.940.892	1.808.317.017
<b>Cộng</b>	<b>58.505.969.493</b>	<b>52.204.891.092</b>

### 2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp, chi tiết theo yếu tố như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	768.478.158	1.147.479.879

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
Chi nhân công trực tiếp	5.774.090.656	3.846.239.356
Chi phí sản xuất chung	27.015.542.318	25.776.061.764
Tổng chi phí sản xuất	33.558.111.132	30.769.780.999
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
<b>Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp</b>	<b>33.558.111.132</b>	<b>30.769.780.999</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi kỳ hạn	108.771.641	241.898.479
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.707.703	13.569.881
Lãi bán ngoại tệ	72.283.600	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	137.612.139	1.300.000
<b>Cộng</b>	<b>330.375.083</b>	<b>256.768.360</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.094.994.539	3.806.728.100
Phí bảo lãnh	175.000.162	12.883.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	228.602.960	3.388.006
<b>Cộng</b>	<b>5.498.597.661</b>	<b>3.822.999.306</b>

### 5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.139.000	80.696.000
Chi phí bằng tiền khác	151.650.000	234.870.910
<b>Cộng</b>	<b>193.789.000</b>	<b>315.566.910</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.617.653.332	2.292.360.021
Chi phí vật liệu quản lý	101.113.147	59.822.364
Chi phí đồ dùng văn phòng	149.949.871	79.306.196
Chi phí khấu hao tài sản cố định	366.545.393	324.205.046
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	362.664.467	399.666.728
Chi phí bằng tiền khác	1.242.820.587	879.798.866
<b>Cộng</b>	<b>4.843.746.797</b>	<b>4.038.159.221</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

### 7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	345	

### 8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí không có hóa đơn chứng từ	24.276.000	27.174.000
Chi phí khác	98	
<b>Cộng</b>	<b>24.276.098</b>	<b>27.174.000</b>

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	869.591.305	1.207.302.243
Chi phí nhân công	8.391.743.988	6.138.599.377
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.599.112.602	5.392.792.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.851.910.682	20.031.573.274
Chi phí khác	2.883.288.352	2.353.239.971
<b>Cộng</b>	<b>38.595.646.929</b>	<b>35.123.507.130</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Long Bình	Công ty liên kết
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn

Các giao dịch phát sinh trong năm (không bao gồm thuế GTTT đối với các khoản doanh thu và chi phí) giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b><i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i></b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.058.124.846	385.587.444
Chi phí mua vật tư, dịch vụ	293.673.690	1.218.845.390
Tiền thuế đất phải trả	1.151.326.500	1.151.326.500
<b><i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long</i></b>		
Phải thu về cho thuê cơ sở hạ tầng	234.016.899	234.016.899
Doanh thu cung cấp dịch vụ	92.633.950	78.675.743
Chi phí mua vật tư, dịch vụ	2.250.000	456.605.921
<b><i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Long Bình</i></b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.013.259	
Phí dịch vụ phải trả	2.683.035.455	
<b><i>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</i></b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.215.764	1.415.890
Chi phí mua vật tư, dịch vụ	108.852.342	105.233.413
<b><i>Công ty Cổ phần Kho vận Tân cảng</i></b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	836.548.300	1.348.764.500
<b><i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng</i></b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.407.528	17.498.364
Chi phí mua vật tư, dịch vụ	704.884.050	1.106.566.057
<b><i>Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép</i></b>		
Chi phí mua vật tư, dịch vụ	12.649.456	3.322.909
<b><i>Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng</i></b>		
Chi phí mua vật tư, dịch vụ	79.096.000	
<b><i>Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng</i></b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	600.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.091.778.887	2.647.647.504
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	53.332.764	51.852.718
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Long Bình	5.933.281	4.602.282
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	12.526.872	8.989.531
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	920.203.130	478.632.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	4.005.496	18.502.995
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung		87.470.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	660.000	
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>2.088.440.430</b>	<b>3.297.697.030</b>
<b><i>Phải trả tiền mua vật tư, dịch vụ</i></b>	<b><i>9.936.718.172</i></b>	<b><i>46.011.725.734</i></b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	9.490.897.151	42.868.718.619
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	61.869.427	59.394.427
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Long Bình		2.254.340.700
Công ty Cổ phần Vận tải bộ Tân Cảng	55.246.329	187.636.397
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Tân Cảng	274.970.865	489.278.041
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	39.820.000	152.357.550
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng – Cái Mép	13.914.400	
<b><i>Phải trả, phải nộp khác</i></b>	<b><i>5.776.477.500</i></b>	<b><i>4.625.151.000</i></b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	5.776.477.500	4.625.151.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>15.713.195.672</b>	<b>50.636.876.734</b>

Lập, ngày 20 tháng 4 năm 2015

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc****Lê Quỳnh Quang****Nguyễn Đức Khiêm****Phạm Văn Long**